



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
06 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 33
8. Phụ lục	34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tiền thân là Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000065 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13 tháng 11 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 06 năm 2010 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 1600680398 ngày 24 tháng 06 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	26.300.000.000	23,91
Trần Văn Nhân	11.110.000.000	10,10
Trần Thị Vân Loan	10.690.000.000	9,72
Trần Tuấn Khanh	4.500.000.000	4,09
Các cổ đông khác	83.700.000.000	76,09
Cộng	110.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại : (076) 3.931.000 – 3.932.821
Fax : (076) 3.932.446
E-mail : clfish@vnn.vn
Website : www.clfish.com
Mã số thuế : 1600680398

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản.
- Mua bán cá và thủy sản.
- Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản.
- Nuôi trồng thủy sản.
- Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...).
- Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả,... đông lạnh).
- Sản xuất bao bì.
- Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì.
- Chế biến thức ăn thủy sản.
- Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin).
- Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng.
- Chế biến thức ăn gia súc.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Số 1600928592 ngày 23/4/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp	100%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	24 tháng 6 năm 2010	-
Trần Tuấn Khanh	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
Trần Minh Nhựt	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-
Trần Tuấn Nam	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Chí Thiện	Trưởng ban	09 tháng 4 năm 2007	19 tháng 4 năm 2011
Huỳnh Lân	Trưởng ban	19 tháng 4 năm 2011	-
Nguyễn Văn Tới	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Thị Vân Loan	Tổng Giám đốc	13 tháng 11 năm 2007	-
Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 10 năm 2007	-
Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc	13 tháng 11 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0735/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 28 tháng 7 năm 2011, từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ xin lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ rằng:

- Trong năm trước và trong 6 tháng đầu năm nay Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đã ký hợp đồng chuyển nhượng trang trại nuôi cá để đầu tư phát triển vùng nuôi, trong đó có giá trị các lô đất với số tiền là 55.073.686.200 VND, những lô đất này đã được sử dụng trong kỳ nhưng Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang. Tuy nhiên, do những lô đất này đã được đưa vào sử dụng để nuôi cá nên Công ty tạm kết chuyển sang tài sản cố định vô hình để trích khấu hao theo quy định.
- Dự án xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản của Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 vẫn chưa được tiếp tục đầu tư.



Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		528.706.052.979	525.669.797.516
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		41.940.695.783	42.358.163.642
1. Tiền	111	V.1	41.940.695.783	32.358.163.642
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.530.000.000	1.530.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.530.000.000	1.530.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		248.789.966.399	255.091.847.485
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	234.691.123.372	240.343.546.434
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	19.183.435.509	14.347.629.915
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	818.068.065	400.671.136
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(5.902.660.547)	-
IV. Hàng tồn kho	140		226.022.752.497	217.292.900.997
1. Hàng tồn kho	141	V.7	226.022.752.497	217.292.900.997
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.422.638.300	9.396.885.392
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	311.969.225	677.690.350
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.829.765.143	7.446.377.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	-	1.059.398.098
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	280.903.932	213.419.944

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		206.524.425.301	200.415.135.606
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		199.308.913.269	192.598.741.291
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	130.435.651.005	135.618.371.327
Nguyên giá	222		167.956.807.525	166.154.944.343
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.521.156.520)	(30.536.573.016)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	55.299.464.595	45.199.405.323
Nguyên giá	228		57.723.527.550	46.434.772.050
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.424.062.955)	(1.235.366.727)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	13.573.797.669	11.780.964.641
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	3.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.757.130.817	2.239.393.022
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	777.521.789	1.278.329.994
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	752.811.028	752.811.028
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	226.798.000	208.252.000
V.I Lợi thế thương mại	269	V.18	1.858.381.215	1.977.001.293
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		735.230.478.280	726.084.933.122

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		446.578.677.548	497.773.464.856
I. Nợ ngắn hạn	310		426.995.733.105	478.174.144.913
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	375.889.015.521	410.166.040.146
2. Phải trả người bán	312	V.20	19.745.837.402	46.823.390.882
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	1.182.065.403	2.516.767.687
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	7.463.282.045	26.365.886
5. Phải trả người lao động	315	V.23	9.521.435.815	4.023.754.597
6. Chi phí phải trả	316	V.24	5.498.543.227	2.333.965.875
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	503.581.194	147.028.542
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	7.191.972.498	12.136.831.298
II. Nợ dài hạn	330		19.582.944.443	19.599.319.943
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	19.301.112.434	19.301.112.434
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.28	86.373.784	86.373.784
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	195.458.225	211.833.725
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		288.651.800.732	228.311.468.266
I. Vốn chủ sở hữu	410		288.651.800.732	228.311.468.266
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	110.000.000.000	110.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	19.920.224.200	19.920.224.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	263.741.819	262.025.926
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.30	4.403.279.903	4.403.279.903
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	11.008.199.758	11.008.199.758
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	143.056.355.052	82.717.738.479
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		735.230.478.280	726.084.933.122

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

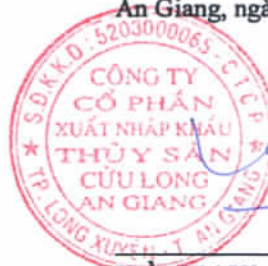
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			1.738.972,04	957.264,76
Euro (EUR)			119,81	100,12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2011



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	626.051.137.155	520.299.955.791
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	1.109.241.226	752.235.617
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	624.941.895.929	519.547.720.174
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	492.454.535.682	426.378.071.526
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		132.487.360.247	93.169.648.648
6. Doanh thu tài chính	21	VL.3	35.806.302.728	19.571.669.565
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	31.376.703.693	17.193.377.004
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.354.236.694	16.429.023.336
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	33.657.832.076	34.007.724.845
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	22.552.577.548	13.000.767.232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.706.549.658	48.539.449.132
11. Thu nhập khác	31	VL.7	6.928.364	589.732.967
12. Chi phí khác	32	VL.8	892.405.728	379.366.900
13. Lợi nhuận khác	40		(885.477.364)	210.366.067
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79.821.072.294	48.749.815.199
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	8.482.455.721	4.450.360.955
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL.9	-	684.875.950
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.338.616.573	43.614.578.294
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		71.338.616.573	43.614.578.294
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	6.485	4.656

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2011



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		79.821.072.294	48.749.815.199
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	8.260.128.646	5.616.019.270
- Các khoản dự phòng	03	V.6	5.902.660.547	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(3.427.752.818)	(2.779.875.664)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(459.920.678)	(2.566.666.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	30.354.236.694	16.429.023.336
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		120.450.424.685	65.448.316.141
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.649.857.784	(82.568.084.346)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(8.729.851.500)	(68.698.599.756)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18.958.065.789)	(7.531.956.346)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		866.529.330	434.730.893
- Tiền lãi vay đã trả	13		(30.798.286.786)	(16.730.769.785)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(4.759.037.511)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.954.858.800)	(401.771.355)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.525.748.924	(114.807.172.065)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.851.680.546)	(3.370.494.795)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	50.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	35.652.435.100
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		69.630.555	1.957.349.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.782.049.991)	34.289.289.892

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	39.920.204.200
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	750.021.923.534	610.723.897.193
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(784.203.668.653)	(614.834.626.084)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(11.000.000.000)	(13.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(45.181.745.119)	22.309.475.309
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(438.046.186)	(58.208.406.864)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.358.163.642	63.657.269.847
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.578.327	868.063.218
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	41.940.695.783	6.316.926.201

An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởngTrần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang cho 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến.
3. Ngành nghề kinh doanh : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.
4. Tổng số các công ty con : 1
5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	100%	100%

6. Nhân viên
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Tập đoàn có 2.432 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 2.562 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỪU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Tặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu khác mệnh giá và chênh lệch do bán lại cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được biếu tặng, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
30/06/2011 : 20.618 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.173.004.304	10.644.623.649
Tiền gửi ngân hàng	40.767.691.479	21.713.539.993
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tuần	-	10.000.000.000
Cộng	41.940.695.783	42.358.163.642

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	1.530.000.000	1.530.000.000
Cộng	1.530.000.000	1.530.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quwat Albahr For Trading	100.104.060.004	87.801.845.136
Saudi Pan Gulf Trading Co., LTD	27.040.507.000	17.286.809.200
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	22.741.654.000	34.375.779.000
Grupo Almos S.A.DEC.V	-	21.326.898.000
Maria Foods Co S.A.R.L	7.305.365.636	904.003.000
Blue Cornar Fishries Co	5.814.791.450	1.675.482.000
Pasapesca S.A	5.612.022.698	-
Arabian Fisheries	5.247.281.000	2.920.261.000
Montkaura, S.L	4.375.160.218	4.017.389.332
Qatar Islamic Bank	4.350.398.000	-
Maria Group Co (Off Shore)	4.171.330.670	5.612.391.400
Alliance Seafood Group	4.054.023.322	3.722.512.830
Maria Fish Market Company	3.989.583.000	2.943.926.000
Pomona	3.265.891.200	-
Alfakher Company For Food Industries	2.810.728.232	-
B.o.r.Market S.A	2.612.712.960	872.386.560
Các khách hàng khác	31.195.613.982	56.883.862.976
Cộng	234.691.123.372	240.343.546.434

4. Trả trước người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
JSM Beijing Representative Office ,HK	3.225.610.844	1.484.733.770
Trịnh Thị Hương	1.747.840.000	1.747.840.000
Khưu Mỹ Duyên	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Cargill Việt Nam	939.446.550	-
Công ty TNHH tư vấn dịch vụ chế biến xuất khẩu Thủy Sản	507.329.880	114.394.800
Hiệp Hội chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)	443.405.165	353.540.755
Công ty TNHH một thành viên Tân Sanh	100.000.000	-
Công ty Cơ khí Huy Thông	8.420.758.750	8.420.758.750
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Mặc Tích	1.334.707.440	1.334.707.440
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng BBA	163.000.000	163.000.000
Các nhà cung cấp khác	301.336.880	728.654.400
Cộng	19.183.435.509	14.347.629.915

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng	165.240.000	82.620.000
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	570.545.259	262.875.136
Các khoản phải thu khác	82.282.806	55.176.000
Cộng	818.068.065	400.671.136

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	5.902.660.547	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	3.064.840.263	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.837.820.284	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	5.902.660.547	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	5.902.660.547
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	5.902.660.547

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.748.231.471	4.468.588.286
Công cụ, dụng cụ	7.249.908.381	6.588.999.148
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	94.003.629.650	88.327.745.142
Thành phẩm	105.155.094.957	106.850.836.232
Hàng gửi đi bán	16.865.888.038	11.056.732.189
Cộng	226.022.752.497	217.292.900.997

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	-	52.530.705
Chi phí sửa chữa	27.889.984	67.311.328
Chi phí thuê trang trại	-	320.000.000
Công cụ dụng cụ	215.088.333	237.848.317
Chi phí đào đất vùng nuôi	68.990.908	-
Cộng	311.969.225	677.690.350

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	1.059.398.098
Cộng	-	1.059.398.098

10. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	63.590.721.167	98.695.563.023	2.601.981.426	1.266.678.727	166.154.944.343
Tăng trong kỳ	241.976.000	1.458.188.091	-	101.699.091	1.801.863.182
Mua sắm mới	241.976.000	479.000.000	-	101.699.091	822.675.091
Đầu tư XD CB	-	979.188.091	-	-	979.188.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>63.832.697.167</u>	<u>100.153.751.114</u>	<u>2.601.981.426</u>	<u>1.368.377.818</u>	<u>167.956.807.525</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.691.626.022	22.208.801.579	955.074.030	681.071.385	30.536.573.016
Khấu hao trong kỳ	1.984.272.844	4.774.884.642	133.927.992	91.498.026	6.984.583.504
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>8.675.898.866</u>	<u>26.983.686.221</u>	<u>1.089.002.022</u>	<u>772.569.411</u>	<u>37.521.156.520</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>56.899.095.145</u>	<u>76.486.761.444</u>	<u>1.646.907.396</u>	<u>585.607.342</u>	<u>135.618.371.327</u>
Số cuối kỳ	<u>55.156.798.301</u>	<u>73.170.064.893</u>	<u>1.512.979.404</u>	<u>595.808.407</u>	<u>130.435.651.005</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay lẫn lượt như sau:

Ngân hàng cho vay	Tài sản thế chấp	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang	23.135.562.654	9.684.069.940
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	11.666.212.092	5.741.416.291
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam	59.827.450.775	51.575.241.381
Cộng	<u>94.629.225.521</u>	<u>67.000.727.612</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	46.434.772.050
Tăng trong kỳ	11.288.755.500
Mua trong kỳ	11.288.755.500
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ (*)	<u>57.723.527.550</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.235.366.727
Tăng trong kỳ	1.188.696.228
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>2.424.062.955</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>45.199.405.323</u>
Số cuối kỳ	<u>55.299.464.595</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Một số quyền sử dụng đất có tổng nguyên giá là 55.073.686.200 VND thuộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang được ghi nhận theo giá trị trên Hợp đồng chuyển nhượng, những lô đất này đã được sử dụng trong kỳ nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	11.780.964.641	2.791.196.161	(979.188.091)	(19.175.042)	13.573.797.669
- Công ty Cổ phần XNK thủy sản Cửu Long An Giang	4.582.780.528	2.663.096.591	(979.188.091)	(19.175.042)	6.247.513.986
- Công ty TNHH MTV CBTA thủy sản Cửu Long An Giang	7.198.184.113	128.099.570	-	-	7.326.283.683
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	11.780.964.641	2.791.196.161	(979.188.091)	(19.175.042)	13.573.797.669

14. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Tô Châu (*)	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Cộng		3.600.000.000		3.600.000.000

- (*) Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ Phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ, mệnh giá: 10.000đ/cổ phiếu. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 05 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 đ/cổ phiếu.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí sửa chữa	1.003.626.652	-	(292.596.300)	711.030.352
Công cụ dụng cụ	274.703.342	-	(208.211.905)	66.491.437
Cộng	1.278.329.994	-	(500.808.205)	777.521.789

16. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ.

Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	752.811.028
Phát sinh trong kỳ	-
Số hoàn nhập	-
Số cuối kỳ	752.811.028

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	226.798.000	208.252.000
Cộng	<u>226.798.000</u>	<u>208.252.000</u>

18. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm

2.372.401.552

Tăng trong kỳ

-

Số cuối kỳ

2.372.401.552

Số đã phân bổ

Số đầu năm

395.400.259

Phân bổ trong kỳ

118.620.078

Số cuối kỳ

514.020.337

Số còn phải phân bổ

Số đầu năm

1.977.001.293

Số cuối kỳ

1.858.381.215**19. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	369.471.499.377	397.331.007.858
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(a)	88.430.697.551	127.141.296.308
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)	93.063.043.115	160.251.691.669
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam ^(c)	75.112.858.496	25.384.360.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	17.266.626.572	3.041.260.000
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam ^(e)	55.050.060.000	39.476.440.800
Ngân Hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh An Giang ^(f)	40.548.213.643	42.035.959.081
Vay dài hạn đến hạn trả	6.417.516.144	12.835.032.288
Cộng	<u>375.889.015.521</u>	<u>410.166.040.146</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để mua nguyên liệu và chi phí chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất.

(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho và số dư tài khoản tiền gửi bên vay tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang và các tổ chức tín dụng khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 31.500.000.000 VND.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị ròng trên sổ sách ít nhất bằng 3.000.000 USD và hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 1.500.000 USD.
- (f) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để thu mua, nhập khẩu nguyên vật liệu và các chi phí khác phục vụ phương án kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	397.331.007.858	750.021.923.534	(777.786.152.509)	(95.279.506)	369.471.499.377
Vay dài hạn đến hạn trả	12.835.032.288	-	(6.417.516.144)	-	6.417.516.144
Cộng	410.166.040.146	750.021.923.534	(784.203.668.653)	(95.279.506)	375.889.015.521

20. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp cá nguyên liệu	-	14.497.251.000
Công ty cổ phần thủy sản Việt Thắng	8.888.609.635	5.915.960.894
Công ty cổ phần bao bì Thủy Sản	2.111.729.180	1.623.361.300
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long	2.012.472.000	7.117.679.864
Công ty TNHH sản xuất bao bì thương mại Nguyễn Phước	1.818.061.630	1.513.854.804
Công ty TNHH hóa chất Thành Phương	1.371.210.000	747.010.000
Các nhà cung cấp khác	3.543.754.957	15.408.273.020
Cộng	19.745.837.402	46.823.390.882

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Moussallem Bros SARL	467.770.875	-
Tomex Foods APS	340.356.171	-
M/S Food Xpress	192.860.772	-
M/S Gulfwest Company Limited	-	1.893.095.874
Menex D.O.O	-	377.693.400
Các khách hàng khác	181.077.585	245.978.413
Cộng	1.182.065.403	2.516.767.687

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (1.059.398.098)	-	8.482.455.721	-	7.423.057.623
Thuế thu nhập cá nhân 26.365.886	-	1.221.563.034	(1.207.704.498)	40.224.422
Thuế tài nguyên	-	24.236.280	(24.236.280)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	(1.033.032.212)	9.734.255.035	(1.237.940.778)	7.463.282.045

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 25%.

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Năm 2009 công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư lần đầu số 52121000096 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 11 năm 2007 và thay đổi lần 01 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh An Giang ngày 21 tháng 02 năm 2008, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang áp dụng thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 12 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 4.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m²/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m² tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên Tỉnh An Giang.

Công ty được miễn nộp tiền thuê đất trong thời hạn 06 năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 93/CN.UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ngày 26 tháng 5 năm 2005.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23. Phải trả người lao động.**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người lao động (*)	6.021.435.815	4.023.754.597
Lương tháng 13 tạm trích trước	3.500.000.000	-
Cộng	9.521.435.815	4.023.754.597

(*) Lương tháng 06 và tháng 13 còn phải trả cho nhân viên.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tiền điện thoại	12.324.701	13.993.689
Chi phí hoa hồng	1.326.092.689	1.314.203.094
Chi phí lãi vay ngắn hạn	180.261.375	624.311.467
Chi phí vận chuyển cá nguyên liệu	280.705.866	-
Chi phí tiền thuê đất	-	83.722.625
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	3.256.146.163	-
Chi phí vi sinh	285.822.619	282.735.000
Chi phí khác	157.189.814	15.000.000
Cộng	5.498.543.227	2.333.965.875

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	309.761.904	110.249.991
Bảo hiểm xã hội	171.135.840	29.182.751
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.683.450	7.595.800
Cộng	503.581.194	147.028.542

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	10.456.879.597	-	(4.742.058.800)	5.714.820.797
Quỹ phúc lợi	1.679.951.701	-	(202.800.000)	1.477.151.701
Cộng	12.136.831.298	-	(4.944.858.800)	7.191.972.498

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang (*)	19.301.112.434	19.301.112.434
Cộng	19.301.112.434	19.301.112.434

(*) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 19%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng phân xưởng 2 nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	6.417.516.144	12.835.032.288
Trên 1 năm đến 5 năm	19.301.112.434	19.301.112.434
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	25.718.628.578	32.136.144.722

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:**

Số đầu năm	19.301.112.434
Số tiền vay phát sinh	-
Số tiền vay đã trả	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-
Số cuối kỳ	19.301.112.434

28. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	86.373.78
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-
Số cuối kỳ	86.373.784

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	211.833.725
Số trích lập bổ sung	-
Số đã chi	(16.375.500)
Số cuối kỳ	195.458.225

30. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm trước (10% mệnh giá)	11.000.000.000
Cộng	11.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tổ chức ngày 19 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 110.000.000.000 VND lên 184.000.000.000 VND dưới các hình thức sau:

- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10 : 6,5 để phát hành thêm 7.150.000 cổ phiếu theo mệnh giá với tổng giá trị phát hành thêm là 71.150.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và Quỹ đầu tư phát triển.
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ, nhân viên chủ chốt của Công ty 250.000 cổ phiếu theo mệnh giá với tổng giá trị phát hành là 2.500.000.000 VND từ nguồn Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	626.051.137.155	520.299.955.791
- Doanh thu bán thành phẩm	549.932.999.417	451.074.326.995
- Doanh thu bán phụ phẩm	76.080.217.808	69.188.855.586
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.919.930	36.773.210
Các Khoản giảm trừ doanh thu:	(1.109.241.226)	(752.235.617)
- Hàng bán trả lại	-	-
- Giảm giá hàng bán	(1.109.241.226)	(752.235.617)
Doanh thu thuần	624.941.895.929	519.547.720.174
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	548.823.758.191	450.322.091.378
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	76.080.217.808	69.188.855.586
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	37.919.930	36.773.210

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	492.454.535.682	426.378.071.526
Cộng	492.454.535.682	426.378.071.526

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá vốn hàng bán trong kỳ là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	441.757.208.452	438.143.489.933
Chi phí nhân công trực tiếp	28.386.347.400	29.674.660.500
Chi phí sản xuất chung	24.734.246.912	18.369.435.847
Tổng chi phí sản xuất	494.877.802.764	486.187.586.280
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	(5.675.884.508)	(9.742.258.702)
Tổng giá thành sản xuất	489.201.918.256	476.445.327.578
Chênh lệch thành phẩm tồn kho thành phẩm	1.695.741.275	(56.780.774.747)
Giá vốn thành phẩm mua ngoài	7.366.032.000	5.479.476.093
Chênh lệch hàng gửi đi bán	(5.809.155.849)	1.234.042.602
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	492.454.535.682	426.378.071.526

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	210.672.377	1.294.035.835
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	152.250.555	-
Lãi cho vay	307.670.123	2.566.666.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.707.956.855	12.931.092.066
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.427.752.818	2.779.875.664
Cộng	35.806.302.728	19.571.669.565

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	30.354.236.694	16.429.023.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.022.466.999	764.353.668
Cộng	31.376.703.693	17.193.377.004

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vi sinh	1.473.738.483	1.454.003.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.184.093.593	32.553.721.699
Cộng	33.657.832.076	34.007.724.845

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.686.303.281	8.540.692.250
Chi phí vật liệu quản lý	13.226.240	17.240.901
Chi phí công cụ văn phòng	203.536.587	334.037.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	532.278.342	287.998.184
Thuế, phí và lệ phí	98.998.530	74.762.250
Chi phí dự phòng	5.902.660.547	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.160.230.574	2.889.958.831
Chi phí khác	955.343.447	856.077.475
Cộng	22.552.577.548	13.000.767.232

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu hỗ trợ lãi suất	-	589.732.967
Nhập kho hàng khuyến mãi	6.928.364	-
Cộng	6.928.364	589.732.967

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hỗ trợ	115.391.496	154.300.000
Chi mua quà biếu	103.081.306	127.134.000
Chi nộp phạt	162.311.587	-
Chi phí không chứng từ	162.695.154	87.932.900
Chi phí bồi thường	-	10.000.000
Chi phí khác	348.926.185	-
Cộng	892.405.728	379.366.900

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	684.875.950
Cộng	-	684.875.950

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.338.616.573	43.614.578.294
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	71.338.616.573	43.614.578.294
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.000.000	9.367.460
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.485	4.656

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.000.000	9.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 19 tháng 5 năm 2010	-	145.761
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 02 tháng 6 năm 2010	-	220.016
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 08 tháng 6 năm 2010	-	1.683
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.000.000	9.367.460

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	444.471.010.511	440.816.008.170
Chi phí nhân công	42.972.336.474	40.854.242.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.141.508.568	5.497.399.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.241.548.790	44.703.474.496
Chi phí khác	3.143.187.967	1.206.334.215
Cộng	550.969.592.310	533.077.458.279

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Phải trả tiền mua đất và tài sản trên đất	16.124.699.000	-
Đã trả tiền mua đất và tài sản trên đất	(27.006.379.700)	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các cá nhân có liên quan	400.000.000	11.281.680.700
Cộng nợ phải trả	400.000.000	11.281.680.700

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.173.161.900	769.157.950
Phụ cấp	248.816.000	49.353.800
Tiền thưởng	-	-
Cộng	1.421.977.900	818.511.750

2. Thay đổi chính sách, chế độ kế toán

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

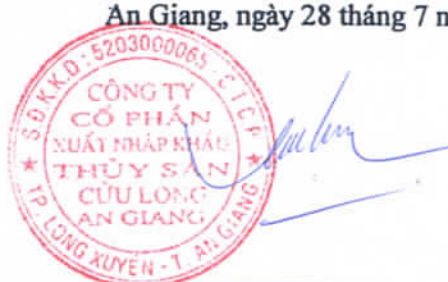
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	232.961.750	232.961.750
Trên 1 năm đến 5 năm	1.187.382.000	1.187.382.000
Trên 5 năm	12.477.061.625	12.477.061.625
Cộng	13.897.405.375	13.897.405.375

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh công bố.

An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2011



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	90.000.000.000	-	1.057.228.629	3.202.055.121	8.005.137.804	67.629.696.976	169.894.118.530
Phát hành cổ phiếu	20.000.000.000	20.000.224.200	-	-	-	-	40.000.224.200
Chênh lệch tỷ giá tăng trong trước	-	-	-	-	-	-	14.248.548.455
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	14.248.548.455	-	-	59.597.227.366	59.597.227.366
Chênh lệch tỷ giá giảm trong trước	-	-	(15.043.751.158)	-	-	-	(15.043.751.158)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(35.500.000.000)	(35.500.000.000)
Trích các quỹ năm trước	-	-	-	1.201.224.782	3.003.061.954	(9.009.185.863)	(4.804.899.127)
Chi khác trong năm trước	-	(80.000.000)	-	-	-	-	(80.000.000)
Số dư cuối năm trước	110.000.000.000	19.920.224.200	262.025.926	4.403.279.903	11.008.199.758	82.717.738.479	228.311.468.266
Số dư đầu năm nay	110.000.000.000	19.920.224.200	262.025.926	4.403.279.903	11.008.199.758	82.717.738.479	228.311.468.266
Chênh lệch tỷ giá tăng trong kỳ	-	-	1.715.893	-	-	-	1.715.893
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	71.338.616.573	71.338.616.573
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Chi khác trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	110.000.000.000	19.920.224.200	263.741.819	4.403.279.903	11.008.199.758	143.056.355.052	288.651.800.732

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2011



(Signature)

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc